

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PL
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/4/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PL, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thanh C và bà Phạm Thị Kim Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Thị Thúy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pl tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thắng Trinh.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pl, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 653/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Pl, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Hẻm Phạm Ngọc Thạch, tổ 10, phường Y, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai, (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 9, Xã A, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai, (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th và anh Nguyễn Tuấn C có thời gian tìm hiểu với nhau, sau đó cả hai tự nguyện chung sống tiến tới hôn nhân và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã A, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai vào ngày 01/8/2018. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị sống với nhau rất hạnh phúc, thời gian sau cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm mâu thuẫn trong cuộc

sống từ những nguyên nhân này mà cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, dù đã nhiều lần cố gắng để xây dựng cuộc sống gia đình nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến cuối năm 2020 anh chị quyết định sống ly thân, thời gian ly thân cả hai không quan tâm liên lạc với nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Th đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn C.

Về con chung: Cả hai có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày: 06/3/2019, từ thời gian anh chị sống ly thân cháu Bảo A được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, vì vậy chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung và chị có đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chị Th không yêu cầu, vì vậy Tòa án không đề cập giải quyết.

Ngoài ra chị Th không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Tuấn C: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên hoà giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C, nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại thành phố Pl nên Tòa án nhân dân thành phố Pl thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, chị Th được ly hôn anh Nguyễn Tuấn C. Về con chung đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị Th, vì con dưới 36 tháng tuổi và chị Th là người đang trực tiếp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Tuấn C có địa chỉ tại Thôn 9, Xã A, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai. Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pl theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng tại phiên tòa lần thứ hai anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tuấn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tuấn C tự nguyện tìm hiểu sau đó kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã A, thành phố P1 vào năm 2018 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian chung sống với nhau giữa chị Th và anh C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm rạn nứt mà không thể hàn gắn được; nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh C để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa chị Th và anh C, nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Th và tại phiên tòa hôm nay anh C cũng vắng mặt, như vậy anh C không có thiện chí mong muốn được hòa giải đoàn tụ với chị Th. Tòa án tiến hành xác minh tại Thôn 5, Xã A, thành phố P1 thì thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh C như thế nào thì địa phương không nắm rõ, chỉ biết rằng chị Th không sống chung với anh C và chị Th đã chuyển đi nơi khác sinh sống.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy: Chị Th và anh C là vợ chồng hợp pháp nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu Th, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân và cùng nhau chăm sóc con chung; sau khi sống ly thân cả hai mạnh ai người đó sống không quan tâm hay liên lạc với nhau. Như vậy hôn nhân của cả hai đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

-Về con chung: Chị Th với anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày: 06/3/2019. Xét thấy sau khi anh C với chị Th sống ly thân, cháu Bảo A chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện cháu được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị Th cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và anh C cũng không có ý kiến gì về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy ly hôn cần giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho chị Nguyễn Thị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th có đủ điều kiện để nuôi con vì vậy chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th.

Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Tuấn C.

[2]. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày: 06/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi cháu Bảo A chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Tuấn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

[3] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0005543, ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pl, tỉnh Gia Lai. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2021) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pl;
- Chi cục THADS Tp.Pl;
- (UBND Xã A, TP Pl, Gia Lai; Số: 76/2018; Đăng ký ngày 01/8/2018).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngà

